

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15-02-2024

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Công Trung.

2/ Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 385/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị P, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2023, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Ngô Thị P trình bày:

Chị và anh Trần Văn T kết hôn năm 2021, đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2021 tại UBND xã A (thị trấn T). Trong quá trình chung sống, chị và anh T xảy ra bất đồng do anh T uống rượu nhiều, về còn quậy đập đồ, làm có tiền không

lo cho vợ con; anh T chơi bời còn thiếu nợ. Khi vợ chồng xảy ra bất đồng chị về nhà cha mẹ ruột sống, anh T có tới lui vài lần nhưng lần nào cũng trong tình trạng say rượu, không lần nào tỉnh. Chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh T không thể hàn gắn nên yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi cháu Trần Đăng K, sinh ngày 11/7/2023, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nguyên nhân chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là vì anh T ăn chơi cũng không có tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu sau khi ly hôn anh T có cho tiền con bao nhiêu thì cho.

Tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có.

* Bị đơn anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

* *Tại Tòa:*

Nguyên đơn chị Ngô Thị P trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T. Con chung: Chị yêu cầu nuôi cháu Trần Đăng K, sinh ngày 11/7/2023, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung chị và anh T không có.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục phiên tòa. Đối với đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị P và anh T có đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân xã A (thị trấn T) vào ngày 26/11/2021 nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, đôi bên phát sinh mâu thuẫn, anh T đều vắng mặt trong các phiên giải quyết; cho thấy anh T không thiện chí hàn gắn. Xét thấy, chị P và anh T mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở. Về con chung: Chị P yêu cầu nuôi cháu Trần Đăng K, sinh ngày 11/7/2023; cháu K hiện do chị P nuôi dưỡng nên giao con cho chị P nuôi là phù hợp. Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị P về việc yêu cầu ly hôn với anh T. Giao con chung cho chị P nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Án phí đương sự nộp theo quy định.

Tõø caùc lôøi trình baøy trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị P và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (thị trấn T) vào ngày 26/11/2021 nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị P và anh T phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5 năm 2023. Chị P vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; điều đó đồng nghĩa với việc anh T tự tước đi quyền phản bác ý kiến đối với yêu cầu của chị P. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh T.

[2] Về con chung: Chị P yêu cầu nuôi cháu Trần Đăng K, sinh ngày 11/7/2023. Hiện cháu K do chị P nuôi dưỡng, anh T không tranh chấp nuôi con. Do đó, giao con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Chị Ngô Thị P trình bày không có.

[4] Về nợ chung: Chị Ngô Thị P trình bày không có.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Ngô Thị P phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị P đối với anh Trần Văn T.

2. Con chung: Chị Ngô Thị P tiếp tục nuôi cháu Trần Đăng K, sinh ngày 11/7/2023. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn T có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Chị Ngô Thị P trình bày không có.

4. Nợ chung: Chị Ngô Thị P trình bày không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Ngô Thị P phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001331 ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị P đã nộp xong.

Trường hợp ba bên, quyết định việc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND TT Tiệm Tôm;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh